

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 805/2022/HC-PT
Ngày 23 tháng 9 năm 2022

*V/v “Khởi kiện Quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt và Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn P - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 98/2021/TLPT-HC ngày 03 tháng 3 năm 2022 “*Khởi kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2021/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1025/2022/QĐPT-HC ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: Số 1669 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, B; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vương Công, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 45 Phan Văn Trị, phường T, thành phố V, tỉnh B (có mặt).

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh B;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T - Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Huy L- Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 89 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố V, tỉnh B.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Hồ Việt Phước T - Chuyên viên Chi Cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người kháng cáo: người khởi kiện là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 28/09/2017, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 4660/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất (gọi tắt là *Quyết định số 4660*). Nhận thấy UBND thành phố V bồi thường, hỗ trợ không đúng với thực tế sử dụng đất (loại đất, công trình xây dựng, cây trồng...) vợ chồng ông L, bà P khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết.

Ngày 16/03/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1095/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của vợ chồng ông L, bà P (gọi tắt là *Quyết định số 1095*). Theo đó, UBND thành phố V chỉ công nhận và bồi thường bổ sung: 14 cây tràm, 03 cây me. Không đồng ý, ông L, bà P khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-V.

Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-V ban hành Quyết định số 2562/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 (gọi tắt là *Quyết định số 2562*), bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông L, bà P. Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1095.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ông L, bà P được biết và cán bộ Thanh

tra cũng nhận thấy có sai phạm khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cán bộ thanh tra đã hướng dẫn vợ chồng ông L, bà P làm đơn kiến nghị UBND thành phố V xem xét lại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số: CA 021224 ngày 19/08/2015 cho bà P (Gọi tắt là GCNQSD đất số CA 021224).

Ông L, bà P đã gửi đơn kiến nghị ngày 07/08/2018 nhưng đến nay vẫn không được xem xét, giải quyết.

Việc đền bù, hỗ trợ cho vợ chồng ông L, bà P không đúng với thực tế, nguồn gốc sử dụng đất, cũng như loại đất... Một phần do sai phạm từ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông L, bà P.

Do vậy, ông L, bà P khởi kiện Quyết định số 4660 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và GCNQSD đất số CA 021224.

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về GCNQSD đất số CA 021224:

Diện tích 3.435,6m² có nguồn gốc do bà Trần Thị Nữ sử dụng từ năm 1966; trước khi sử dụng có đơn xin choáng đất (trước ngày 01/07/1980).

Năm 1972 bà Nữ chuyển quyền cho vợ chồng ông Lê Hồng Ân, bà Lê Thị Tráng sử dụng làm nhà ở và sản xuất nông nghiệp.

Năm 1993 bà T viết giấy chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà P và bàn giao toàn bộ hồ sơ (đơn xin đóng thuế choáng đất năm 1966, biên lai thuế, giấy chứng nhận đăng ký nhà số 346 năm 1978), ông L, bà P liên tục sử dụng để ở và trồng bạch đàn, tràm cho đến khi Nhà nước thu hồi (biên bản kiểm đếm ngày 15/12/2016, biên bản xác định hình thức nuôi trồng thủy sản ngày 28/02/2019).

Như vậy, diện tích 3.435,6m² là đất vườn ao, trong cùng thửa đất có nhà ở từ trước ngày 18/12/1980 (Giấy chứng nhận đăng ký nhà số 346 năm 1978) ông L, bà P có giấy tờ thuộc Khoản 1, Khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (đơn xin choáng đất trước năm 1980, giấy chứng nhận đăng ký nhà ở năm 1978). Căn cứ Điều 10, 11, 100, khoản 2 khoản 6 Điều 103 Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP về xác định diện tích đất ở, loại đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thì ông L, bà P được công nhận 750m² đất ở (không phải nộp tiền sử dụng đất); Diện tích còn lại được xác định là đất vườn ao, không được công nhận là đất ở. Theo hiện trạng là đất trồng cây lâu năm.

Việc UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận 150m² đất ở (có thu tiền sử dụng đất) và 3.285,6m² đất nuôi trồng thủy sản là không đúng.

- Về Quyết định số 4660: Căn nhà cấp bốn ông A xây dựng đã cũ, vợ chồng ông L, bà P đã dỡ bỏ và xây dựng mới. Kết cấu: Móng đá học, tường gạch, vách ngăn cũng bằng gạch được xây tô hoàn chỉnh. Nền gạch bông, cửa gỗ... Diện tích xây dựng: 60m² (5m x 12m); Cạnh căn nhà cấp 4 ông L, bà P xây dựng thêm một căn nhà tạm. Diện tích: 84m² (7m x 12 m) để sử dụng vào mục đích kinh doanh. Như vậy, trên diện tích đất thu hồi có một căn nhà cấp bốn 60m², một căn nhà tạm 84m². UBND thành phố V đền bù, hỗ trợ nhà tạm cả hai là không đúng.

Tuy nhiên, sau khi khiếu nại đền bù thì UBND thành phố V đã đền bù thêm về nhà tại Quyết định số 5312/QĐ-UBND ngày 23-10-2020 là đúng, nên bà P không yêu cầu.

Từ những vấn đề trên, có đủ cơ sở để xác định:

Trên diện tích đất 845,20m² Nhà nước thu hồi có 750m² đất ở, 95,20m² đất trồng cây lâu năm. Có 01 căn nhà cấp bốn, 01 căn nhà tạm. Có cây hàng năm, cây lâu năm và một số công trình khác. Việc UBND thành phố V quyết định đền bù, hỗ trợ 845,20m² đất nuôi trồng thủy sản là không đúng, là trái pháp luật.

Căn cứ: Luật Khiếu nại 2011; Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Mục 1 Phần I Công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/09/2016 của Tòa án Nhân dân tối cao; ông L, bà P khởi kiện, với các yêu cầu sau:

- Tuyên hủy Quyết định số 4660/QĐ-UBND ngày 28-9-2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Tuyên hủy Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16-3-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Tuyên hủy Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Hủy bỏ một phần nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CA 021224 Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 19/08/2015.

- Buộc UBND thành phố V chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn với đất số: CA 021224 cấp ngày 19/08/2015, cụ thể:

+ Về mục đích sử dụng đất: 750m² đất ở tại đô thị, 2.685,6m² đất trồng cây lâu năm.

+ Về thời hạn sử dụng đất: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến năm 2065.

+ Về nguồn gốc sử dụng đất: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất

không thu tiền sử dụng đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ: 750m² theo giá đất ở; 93,20m² đất trồng cây lâu năm và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo đúng quy định.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:

- *Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi:* Ông L, bà P bị thu hồi 845,20m² đất thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ 108 có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích 3.435,6m² (gồm 150,0m² đất ở và 3.285,6m² đất nuôi trồng thủy sản) đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số CA 021224 ngày 19/8/2015.

- *Quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại của ông, bà Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị P:*

Dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư số 2 tại Ngã ba sông Dinh, sông Cây Khế, Phường 12, thành phố V được triển khai thực hiện theo Thông báo số 510/TB-UBND ngày 06/10/2016.

Ngày 28/9/2017, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 4660 thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông L, bà P với tổng kinh phí, bồi thường là 1.003.634.067 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, ngày 19/11/2017 ông L có đơn khiếu nại. Ngày 16/3/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1095 giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung: “*Bác nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 845,2 m² đất thu hồi theo giá đất trồng cây hàng năm và nâng hạng nhà từ nhà tạm lên thành nhà cấp 4. Chấp nhận bồi thường bổ sung 17 cây tràm bông vàng, 01 cây me B và 02 cây me C cho hộ ông, bà Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị P*”

Thực hiện Quyết định số 1095. Ngày 13/8/2018, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 6119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho ông, bà Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị P với số tiền 1.981.700 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 1095, ông, ông L, bà P tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 lên UBND tỉnh B.

Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2562/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung bác đơn ông L, bà P.

Do ông, ông L, bà P không hợp tác trong việc bàn giao mặt bằng, ngày 04/11/2019, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 6082/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với phần diện tích 845,20 m² đất tại Phường 12 do ông, ông L, bà P đang sử dụng.

Tại Biên bản làm việc ngày 23/3/2020, ông L, bà P đã nhận tiền và đồng ý bàn giao mặt bằng cho Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải Quân (Chủ đầu tư) nên ngày 26/3/2020, UBND thành phố V đã có Thông báo số 1567/TB-UBND về việc dừng cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 20/3/2020, Phòng Quản lý Đô thị có Văn bản số 701/QLĐT-QHKT về việc xác định loại nhà, hạng nhà của ông L, bà P. Ngày 23/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5312/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị nhà, vật kiến trúc với số tiền 68.870.400 đồng.

- *Nhận xét:*

- Về nội dung tuyên hủy Quyết định số 4660, Quyết định số 1095:

Phần diện tích thu hồi 845,20m² thuộc GCNQSD đất số CA 021224 do UBND thành phố V cấp ngày 19/8/2015 với diện tích 3.435,6m² đất gồm: 150,0m² đất ở và 3.285,6 m² đất nuôi trồng thủy sản.

Đối chiếu Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố V kiểm tra, xác nhận ngày 19/10/2017 (trích lục theo bộ bản đồ thu hồi đất công trình Tuyến đường vào cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư số 2 tại ngã 3 sông Dinh - sông Cây Khế, Phường 12, thành phố V được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B ký ngày 26/8/2016) và GCNQSD đất thì trong tổng phần diện tích 845,2m² đất thu hồi có 843,2m² thuộc diện tích đất nuôi trồng thủy sản đã được cấp GCNQSD đất; 2,0m² còn lại thuộc đường giao thông do Nhà nước quản lý.

Tại Quyết định số 4660 đã bồi thường 843,2m² đất nuôi trồng thủy sản, phần 2,0m² đất còn lại không đủ điều kiện bồi thường.

Theo Biên bản kiểm đếm số 06 do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V lập ngày 15/12/2016 ghi nhận tại mục 3. Hoa màu, cây trái có nêu nội dung: “Đùng nuôi cá thuộc thửa thu hồi 66 + 170, diện tích 435,70m²...” Như vậy, hiện

trạng sử dụng đất phù hợp với mục đích sử dụng đất đã được cấp GCNQSD đất số CA 021224 ngày 19/8/2015.

Mặt khác tại khoản 1, Điều 11, Luật Đất đai 2013 quy định căn cứ để xác định loại đất: *“1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;”* và khoản 1, Điều 75, Luật Đất đai 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)..”*

Căn cứ các quy định nêu trên, thì UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4660; Quyết định số 1095 là đúng theo quy định của pháp luật.

Việc ông L, bà P đề nghị tuyên hủy Quyết định số 4660, Quyết định số 1095 và ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường đối với 750,0m² đất ở và 93,20 m² đất trồng cây lâu năm là không có cơ sở.

- Đối với nội dung yêu cầu UBND thành phố V hủy một phần GCNQSD đất số CA021224 và buộc UBND thành phố V chỉnh lý GCNQSD đất số CA 021224 cấp ngày 19/8/2015:

UBND thành phố V đã thực hiện việc cấp GCNQSD đất số CA021224 theo đúng quy định tại Luật Đất đai 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tại thời điểm thực hiện việc cấp GCNQSD đất (ngày 19/8/2015) ông L và bà P không cung cấp các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định 43/2014; khoản 16, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, nên UBND thành phố V đã xem xét xác định loại đất và cấp GCNQSD đất theo quy định tại Luật Đất đai 2013. Hiện nay, nếu ông L và bà P cung cấp được các giấy tờ quy định tại các điều khoản nêu trên thì việc chỉnh lý GCNQSD đất (trong trường hợp xác định lại loại đất vườn ao) thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Do đó đối với nội dung này đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ vụ việc giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Quan điểm đối với nội dung đơn khởi kiện của ông (bà) Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị P như sau:*

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P;
- Giữ nguyên Quyết định số 4660 và Quyết định số 1095;
- Các nội dung còn lại theo đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B căn cứ hồ sơ vụ việc giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:

a. Nội dung khiếu nại và yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P:

Ông L, bà P khiếu nại một phần Quyết định số 4660, yêu cầu:

- Bồi thường toàn bộ diện tích 845,2m² đất thu hồi theo giá đất trồng cây hàng năm;
- Nâng hạng nhà từ nhà tạm lên thành nhà cấp 4.

b. Kết quả giải quyết khiếu nại

- Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu: Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 1095.

- Kết quả giải quyết khiếu nại lần hai: Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2562 theo đó: "*Bác nội dung khiếu nại của ông (bà) Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị P đối với các yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 845,2m² đất thu hồi theo giá đất trồng cây hàng năm và nâng hạng nhà từ nhà tạm lên thành nhà cấp 4*". Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, ông L, bà P khởi kiện tại Tòa án.

c. Ý kiến của UBND tỉnh đối với những vấn đề của người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết

- Về nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi: Diện tích đất 845,2m² bị thu hồi thuộc thửa số 577, tờ bản đồ 108, có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích đất 3.435,6m² (gồm 150m² đất ở và 3.285,6m² đất nuôi trồng thủy sản) đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số CA 021224 ngày 19/8/2015 cho ông L, bà P.

- Về nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 845,2m² đất thu hồi theo giá đất trồng cây hàng năm: Diện tích đất 845,2m² ông L, bà P đang sử dụng bị thu hồi thuộc thửa số 577, tờ bản đồ 108, có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích đất 3.435,6m² đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số

CA 021224 ngày 19/8/2015 cho ông L, bà P. Mục đích sử dụng là đất ở (150m²) và đất nuôi trồng thủy sản (3.285,6m²).

Theo Biên bản kiểm đếm số 6 do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V lập ngày 15/12/2016 ghi nhận tại mục “HOA MÀU, CÂY TRÁI” là : “Đùng nuôi cá thuộc thửa thu hồi 66 + 170, diện tích 435,7m²...”. Như vậy, hiện trạng sử đất phù hợp với mục đích sử dụng đất đã được cấp tại GCNQSD đất số CA 021224 ngày 19/8/2015.

Khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai 2013 quy định căn cứ để xác định loại đất: “1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất;”

Khoản 1 điều 75 Luật Đất đai 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)...”

Căn cứ các quy định nêu trên thì nội dung khiếu nại của ông L, bà P yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 845,2m² đất thu hồi theo giá đất trồng cây hàng năm là không có cơ sở để giải quyết.

d. Về nội dung khiếu nại yêu cầu nâng hạng nhà từ nhà tạm lên thành nhà cấp 4

Theo Biên bản kiểm đếm số 6 do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V lập ngày 15/12/2016, tại mục “2. NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN ĐẤT:”, ghi nhận: Nhà có diện tích (12,0 x 12,0)m. GTTB: Móng đá, 03 mặt tường gạch, 01 mặt vách tôn, tường gạch quét vôi, mái tôn, không trần, cửa sắt, nền xi măng. Căn cứ Khoản 6 Điều 1 Quy định về cấp nhà, hạng nhà, giá nhà, giá vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh B (ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh B) thì căn nhà bị giải tỏa có 01 mặt là vách tôn nên được tính hỗ trợ bồi thường theo giá nhà tạm là đúng quy định.

Do đó, nội dung khiếu nại của ông L, bà P yêu cầu nâng hạng nhà từ nhà tạm lên thành nhà cấp 4 là không có cơ sở để giải quyết.

đ. Qua xem xét, Chủ tịch UBND tỉnh nhận thấy nội dung đơn khởi kiện của ông L, bà P không có tình tiết mới phát sinh làm thay đổi bản chất vụ việc, vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà P.

Tại Bản án số 57/2021/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P với các yêu cầu sau:

- Tuyên hủy các Quyết định: Quyết định số 4660/QĐ-UBND ngày 28-9-2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16-3-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

- Hủy bỏ một phần nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 021224 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 19/08/2015 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 021224 cấp ngày 19/08/2015, cụ thể: (Mục đích sử dụng đất: 750m² đất ở tại đô thị, 2.685,6m² đất trồng cây lâu năm. Thời hạn sử dụng đất: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến năm 2065. Nguồn gốc sử dụng đất: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ 750m² theo giá đất ở; 93,20m² đất trồng cây lâu năm và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/12/2021, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P là ông Lê Vương Công vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị

Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông L và bà P về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 4660/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V; Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B;

- Hủy bỏ một phần nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 021224 do UBND thành phố V cấp ngày 19/08/2015 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P;

- Buộc UBND thành phố V chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 021224 cấp ngày 19/8/2015, cụ thể: (Mục đích sử dụng đất: 750m² đất ở tại đô thị, 2.685,6m² đất trồng cây lâu năm. Thời hạn sử dụng đất: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến năm 2065. Nguồn gốc sử dụng đất: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất);

- Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ 750m² theo giá đất ở; 93,20m² đất trồng cây lâu năm và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo đúng quy định pháp luật; Với các lý do: Việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định quyết định số: 4660/QĐ-UBND, 1095/QĐ-UBND là quyết định Hành chính có liên quan tới quyết định hành chính bị khởi kiện là không đúng; Văn bản số: 8652/UBND-TNMT Ngày 02/11/2021 của UBND thành phố V là văn bản trả lời về kết quả xử lý văn bản hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định văn bản số: 8652/UBND-TNMT Ngày 02/11/2021 của UBND thành phố V là văn bản Hành chính có liên quan tới quyết định hành chính bị khởi kiện là không chính xác; Theo Tờ cho đất để trồng tía, sinh sống lập ngày 10/04/1992 có xác nhận của UBND phường ngày 20/04/1992 (sao lục) thì thấy: Gửi kèm theo hồ sơ là 01 bản sao Giấy choáng đất Công thổ Quốc gia ký ngày 01/12/1969; Theo Văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường 11 xác nhận ngày 15/08/1996 thì thấy: Nguồn gốc đất do bà Trần thị nữ khai phá năm 1966 (có đơn đăng ký choáng đất năm 1969) sử dụng đến năm 1972 chuyển nhượng cho ông Lê Hồng Ân, kèm theo giấy chứng nhận đã kê khai nhà số: 346 do ông A đứng tên; Theo biên bản xác minh nguồn gốc đất lập ngày 10/08/1996 được UBND phường 11 xác nhận ngày 15/08/1996 thì thấy: Tại mục (3) các giấy tờ liên quan gồm có: Đơn xin đóng thuế choáng đất, Giấy chứng nhận đã đăng ký nhà năm 1978, Biên lai thuế.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố V ông Phạm Huy L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa ông Hồ Việt Phước T đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, Nguồn gốc đất: Ngày 29/10/1993, bà Lê Thị Tráng lập giấy tay sang nhượng ao cá cho bà Nguyễn Thị P. Ngày 17/11/2014, ông L bà P làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 08/6/2015 cơ quan chuyên môn xác nhận diện tích 3.435,6m² đất của ông L bà P xin cấp giấy chứng nhận có 150m² đất ở và 3.285,6m² đất nuôi trồng thủy sản. Ngày 19/8/2015, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA021224 cho ông L bà P với diện tích 3.435,6m² (150m² đất ở và 3.285,6m² đất nuôi trồng thủy sản) ông L bà P không thắc mắc hay khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận nêu trên. Như vậy, căn cứ vào loại đất được cấp giấy chứng nhận và biên bản kiểm kê thực tế thì diện tích đất 845,2m² đất bị thu hồi là loại đất nuôi trồng thủy sản nên không được bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm là có căn cứ. Về yêu cầu nâng giá bồi thường nhà tạm lên nhà cấp 4 không có cơ sở chấp nhận vì việc bồi thường giá trị tài sản trên đất đã được kiểm kê là loại nhà tạm và có chữ ký xác nhận của ông L, bà P.

Việc UBND thành phố V ban hành các quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại đối với ông L, bà P là đúng quy định pháp luật. Bản án hành chính sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P, trên cơ sở xem

xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 4660/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND thành phố V; huỷ Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V; huỷ Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B; Hủy bỏ một phần nội dung GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất số CA 021224 do UBND thành phố V cấp ngày 19/8/2015 cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P; Buộc UBND thành phố V chỉnh lý GCNQSDĐ số CA 021224; Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ: 750m² theo giá đất ở; 93,20m² đất trồng cây lâu năm và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo đúng quy định. Các yêu cầu khởi kiện trên, là các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 09/6/2020, Tòa án nhận đơn khởi kiện của ông L, bà P đối với Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B và các quyết định liên quan, là còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 116 điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[1.5] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 01/12/2021, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2021/HC-ST ngày 19/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư số 2 tại Ngã ba sông Dinh, sông Cây Khế, Phường 12, thành phố V được triển khai thực hiện theo Thông báo số 510/TB-UBND ngày 06/10/2016.

Ngày 28/9/2017, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 4660 thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông L, bà P với tổng kinh phí, bồi thường là 1.003.634.067 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, ngày 19/11/2017 ông L có đơn khiếu nại. Ngày 16/3/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1095 giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung: *“Bác nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 845,2 m² đất thu hồi theo giá đất trồng cây hàng năm và nâng hạng nhà từ nhà tạm lên thành nhà cấp 4. Chấp nhận bồi thường bổ sung 17 cây tràm bông vàng, 01 cây me B và 02 cây me C cho hộ ông, bà Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị P”*

Thực hiện Quyết định số 1095 nêu trên, Ngày 13/8/2018, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 6119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho ông, bà Nguyễn Văn L - Nguyễn Thị P với số tiền 1.981.700 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 1095, ông, ông L, bà P tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 lên UBND tỉnh B.

Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2562/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung bác đơn ông L, bà P.

Do ông, ông L, bà P không hợp tác trong việc bàn giao mặt bằng, ngày 04/11/2019, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 6082/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với phần diện tích 845,20 m² đất tại Phường 12 do ông, ông L, bà P đang sử dụng.

Tại Biên bản làm việc ngày 23/3/2020, ông L, bà P đã nhận tiền và đồng ý bàn giao mặt bằng cho Bộ Tư lệnh Quân Chung Hải Quân (Chủ đầu tư) nên ngày 26/3/2020, UBND thành phố V đã có Thông báo số 1567/TB-UBND về việc dừng cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 20/3/2020, Phòng Quản lý Đô thị có Văn bản số 701/QLĐT-QHKT về việc xác định loại nhà, hạng nhà của ông L, bà P. Ngày 23/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5312/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị nhà, vật kiến trúc với số tiền 68.870.400 đồng.

Như vậy, các quyết định hành chính bị khởi kiện đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 14 Điều 22, Điều 61, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai 2013; các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 36, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về yêu cầu hủy GCNQSD đất số CA021224: UBND thành phố V đã thực hiện việc cấp GCNQSD đất số CA021224 ngày 19/8/2015 theo đúng quy định tại Luật Đất đai 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tại thời điểm thực hiện việc cấp GCNQSD đất (ngày 19/8/2015) ông L và bà P không cung cấp các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định 43/2014; khoản 16, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, nên UBND thành phố V đã xem xét xác định loại đất và cấp GCNQSDĐ là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Luật Đất đai 2013.

[2.2] Về nội dung

[2.2.1] Xét nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất:

Ngày 10/8/1996, tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất do UBND phường 11 lập xác định diện tích đất của bà Lê Thị Tráng tọa lạc tại đường QL51 tờ bản đồ số 23 gồm các thửa 12, 12A, 21, 21A do bà Trần Thị Nữ khai phá năm 1966 đến năm 1972 thì chuyển nhượng cho bà T. bà T sử dụng liên tục, không tranh chấp dùng làm nhà ở và ruộng muối. Sau đó, bà T chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông L và bà P với mục đích là cải tạo lại nuôi tôm, cua, ghẹ... Tại sổ mục kê tờ bản đồ số 23 thửa 12, 12A, ghi diện tích đất của ông A - chồng bà T là đất Đùng. Ngày 19/8/2015, UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số CA 021224 với diện tích 3.435,6m² đất gồm: 150,0m² đất ở và 3.285,6 m² đất nuôi trồng thủy sản cho vợ chồng ông L. Vợ chồng ông L cũng không có khiếu nại gì tại thời điểm cấp.

Ông L, bà P trình bày có các giấy tờ: Đơn xin đóng thuế choáng đất năm 1966, biên lai thuế, Giấy chứng nhận đăng ký nhà số 346 năm 1978. Tuy nhiên, đến nay ông, bà vẫn không giao nộp bản chính cho cơ quan tổ tụng để xem xét. Đồng thời, Công văn số 8652 ngày 02/11/2021 của UBND thành phố V xác nhận tại mục 5 “*những giấy tờ nộp kèm theo*” của đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 17/11/2014 của ông L, bà P không có giấy chứng nhận đã kê khai nhà số 346 do ông Lê Hồng Ân (chồng bà T) đứng tên.

Khi ông L và bà P cung cấp được bản chính các giấy tờ Đơn xin đóng thuế choáng đất năm 1966, biên lai thuế, Giấy chứng nhận đăng ký nhà số 346 năm 1978 nêu trên thì ông, bà có quyền gửi đơn đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V) để được chỉnh lý GCNQSD đất theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Về việc bồi thường khi thu hồi đất

Diện tích 845,2m² đất bị thu hồi của ông L, bà P thuộc thửa số 577, tờ bản đồ 108, có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích 3.435,6m² đất (gồm 150m² đất ở và 3.285,6m² đất nuôi trồng thủy sản) đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số CA 021224 ngày 19/8/2015 cho ông L, bà P.

Đối chiếu Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V kiểm tra, xác nhận ngày 19/10/2017 (Trích lục theo bộ bản đồ thu hồi đất công trình Tuyến đường vào cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư số 2 tại

ngã 3 sông Dinh - sông Cây Khế, Phường 12, thành phố V được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B ký ngày 26/8/2016) và GCNQSD đất thì trong tổng phần diện tích 845,2m² đất thu hồi có 843,2m² thuộc diện tích đất nuôi trồng thủy sản đã được cấp GCNQSD đất; 2,0m² còn lại thuộc đường giao thông do Nhà nước quản lý.

Theo Biên bản kiểm đếm số 6 do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V lập ngày 15/12/2016 ghi nhận tại mục “HOA MÀU, CÂY TRÁI” là: “*Đùng nuôi cá thuộc thửa thu hồi 66 + 170, diện tích 435,7m²...*”. Như vậy, hiện trạng sử dụng đất phù hợp với mục đích sử dụng đất đã được cấp tại GCNQSD đất số CA 021224 ngày 19/8/2015. Việc ông L, bà P trồng một số cây tràm bông vàng và me trên đất không phải là căn cứ để xác định loại đất ông, bà đang sử dụng là đất trồng cây lâu năm hay hàng năm mà phải căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai 2013 quy định căn cứ để xác định loại đất: “*1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;***”

Khoản 1 điều 75 Luật Đất đai 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “*1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất** (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)...*”

Căn cứ các quy định nêu trên thì nội dung khiếu nại của ông L, bà P yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 845,2m² đất thu hồi theo giá đất trồng cây lâu năm và cây hàng năm, là không có cơ sở để giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P với các yêu cầu sau:

- Tuyên huỷ các Quyết định: Quyết định số 4660/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

- Hủy bỏ một phần nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 021224 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 19/8/2015 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 021224 cấp ngày 19/08/2015, cụ thể: (Mục đích sử dụng đất: 750m² đất ở tại đô thị, 2.685,6m² đất trồng cây lâu năm. Thời hạn sử dụng đất: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến năm 2065. Nguồn gốc sử dụng đất: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí đền bù, hỗ trợ 750m² theo giá đất ở; 93,20m² đất trồng cây lâu năm và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh